

Bản tin thị trường

10.08.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường

Cổ phiếu quan tâm

Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

HDB, BCG

Data Talks

Thống kê tự doanh

Cổ phiếu tăng trưởng

Lịch chia cổ tức



Thị trường điều chỉnh nhẹ, thanh khoản rơi

Phiên hôm nay thị trường thiếu hẳn động lực thúc đẩy do thiếu sự hỗ trợ tin tức quốc tế lẫn trong nước. Các dòng cổ phiếu đã tăng mạnh như chứng khoán cũng rung lắc và bị áp lực chốt lời kỹ thuật. Tuy vậy động lực nhóm ngành này vẫn mạnh đặc biệt ở nhóm VCI, CTS, HCM, SSI. Cổ phiếu bất động sản và xây dựng tiếp tục mức tăng tốt hôm nay, nổi bật là CII dư mua hàng triệu đơn vị. Nhóm bất động sản lớn DIG, CEO, IJC, DXG, LHG, IDC xanh nhẹ và hút tiền mạnh.

Cổ phiếu ngân hàng có phần chùng xuống ở hầu hết bank lớn STB, SHB, CTG, TPB, TCB đều giảm -1% trở lên. Nhóm bank nhỏ lại tăng rất mạnh ở KLB, SGB, PGB, VBB.

Một số nhóm ngành đang có dấu hiệu suy yếu ngắn hạn có thể tạm chờ tín hiệu mới như thép. Thị trường vẫn tiếp tục giằng co tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và chờ các nhịp điều chỉnh tích lũy thêm. Nhóm chứng khoán vẫn ưu tiên nắm giữ bên cạnh các nhóm ngành bất động sản, bán lẻ, dệt may, phân bón. Một số cổ phiếu đang đi vào các vùng mua khá tốt có thể xem xét ngắn hạn như: **AAA, CEO, DIG, CII, TCM, MWG, AGR, DPM, PHR, BCG, BNA**

Tin Doanh Nghiệp

HDBank được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 25.503 tỷ đồng



Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vừa có quyết định chấp thuận tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM (HDBank) thêm tối đa 5.030 tỷ đồng, nâng số vốn điều lệ của ngân hàng lên 25.503 tỷ đồng.

Ngân hàng sẽ tăng vốn điều lệ thêm 5.030 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 503 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2021, tỷ lệ 25% tức cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 25 cổ phiếu phát hành thêm, dự kiến hoàn thành trong quý III/2022.

Khi hoàn tất phương án phát hành, vốn điều lệ của HDBank sẽ tăng từ 20.273 tỷ đồng lên 25.303 tỷ đồng. Vốn điều lệ tăng thêm dự kiến sẽ được dành khoảng 3.000 tỷ để bổ sung nguồn vốn cho vay trung dài hạn, phần còn lại sẽ bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động khác.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) 2022 cũng thông qua phương án phát hành 20 triệu cổ phiếu cho người lao động (ESOP). Cổ phiếu ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng ba năm kể từ ngày phát hành.

Phía ngân hàng cho biết tại ĐHĐCĐ năm 2021, cổ đông đã thông qua phương án phát hành 40 triệu cổ phiếu ESOP, tuy nhiên trong năm 2021, ngân hàng mới chỉ hoàn tất phát hành 20 triệu cổ phiếu theo chương trình này.

Kết thúc quý II, tăng trưởng huy động của ngân hàng đạt trên 11% so với cuối năm trước. Tín dụng tăng trên 14% với động lực đến từ tất cả các mảng kinh doanh chính: bán lẻ, SME và tài chính tiêu dùng. Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ ở mức 0,93%.

Năm 2022, ngân hàng đặt mục tiêu lợi nhuận đạt 9.770 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2021. Tổng tài sản dự kiến đạt 440.439 tỷ đồng, tương đương tăng 18% so với năm trước. Tổng huy động và dự nợ tăng lần lượt 17% và 20%, đạt 392.683 tỷ đồng và 256.060 tỷ đồng.

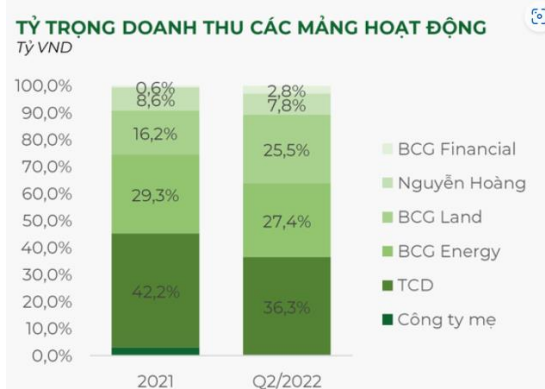
Bamboo Capital (BCG): IPO BCG Land trong quý III

Sau 6 tháng, Bamboo Capital hoàn thành 30% kế hoạch doanh thu và 40% kế hoạch lợi nhuận song ban lãnh đạo Tập đoàn tự tin sẽ về đích kế hoạch năm vì các dự án bất động sản có điểm rơi lợi nhuận vào quý III và quý IV năm nay.

Trong mảng bất động sản, các dự án đang triển khai theo đúng tiến độ và kế hoạch. Dự án Malibu Hội An với quy mô 96 biệt thự, 675 căn hộ nghỉ dưỡng đã hoàn thành tiện ích hồ bơi và khu cảnh quan, cây xanh xung quanh, đang hoàn thiện những hạng mục còn lại của khu condotel để bàn giao từ quý III/2022, tiếp tục hoàn thiện các hạng mục của Khu biệt thự và dự kiến bắt đầu bàn giao từ quý IV/2022.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, BCG đã ghi nhận 2.133,9 tỷ đồng doanh thu và 877,1 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng trưởng lần lượt 47,4% và 81,5% so với cùng kỳ năm 2021. Doanh thu 6 tháng đầu năm 2022 của BCG đến chủ yếu từ 3 mảng hoạt động lõi: mảng xây dựng - hạ tầng đóng góp 737,6 tỷ đồng, bất động sản là 543,4 tỷ đồng và năng lượng tái tạo là 584,7 tỷ đồng, sản xuất là 166,3 tỷ đồng.

Như vậy, sau khi cơ cấu các mảng hoạt động, doanh thu và lợi nhuận quý II/2022 của BCG đã bớt phụ thuộc hơn vào hoạt động xây lắp của Tracodi, thay vào đó các mảng hoạt động mới đang dần hiệu quả và ghi nhận đóng góp tích cực hơn (xem bảng). Biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận ròng 6 tháng 2022 tiếp tục cải thiện lên mức 38% và 41,1% cao hơn mức cùng kỳ và cả năm 2021.





Danh mục nắm giữ ngắn hạn (1 tuần – 1 tháng)

Ticker	Close	%	Hỗ trợ	Kháng Cự	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VIB	26.0	(1.5)	18	26	7/26/2022	1.6%
FPT	86.0	(0.1)	80	100	7/26/2022	1.3%
STB	24.9	2.0	18	28	7/26/2022	8.7%
SZC	53.9	0.6	40	65	7/26/2022	9.1%
VCI	47.7	1.6	30	48	7/26/2022	27.2%
FTS	35.3	0.1	30	50	7/26/2022	17.9%
GVR	25.1	(0.4)	20	27	7/26/2022	9.9%
CTS	21.9	3.2	17	23	8/2/2022	9.5%
SHB	15.0	0.3	14	17	8/2/2022	0.0%
TPB	28.3	0.9	25	30	8/2/2022	2.9%
GEX	24.3	-	21	30	8/2/2022	5.7%
DGW	62.8	0.8	50	80	8/2/2022	4.7%
VIX	13.3	1.3	10	16	8/3/2022	10.8%
FRT	78.6	(0.4)	70	100	8/8/2022	0.8%
SSI	24.6	1.1	20	30	8/8/2022	2.3%
DIG	42.1	(0.8)	35	55	8/10/2022	2.7%
CEO	36.3	(0.3)	30	45	8/10/2022	3.7%
TCM	46.3	0.4	43	55	8/10/2022	0.7%
HCM	27.3	-	22	35	8/10/2022	1.1%

Chúng tôi bổ sung các cổ phiếu đã khuyến nghị theo dõi các phiên trước vào giao dịch ngắn hạn DIG, CEO, TCM, HCM.

Một số cổ phiếu tích lũy tốt trong vùng mua ngày 11.08

AAA, CEO, DIG, CII, TCM, MWG, AGR, DPM, PHR, BCG, BNA

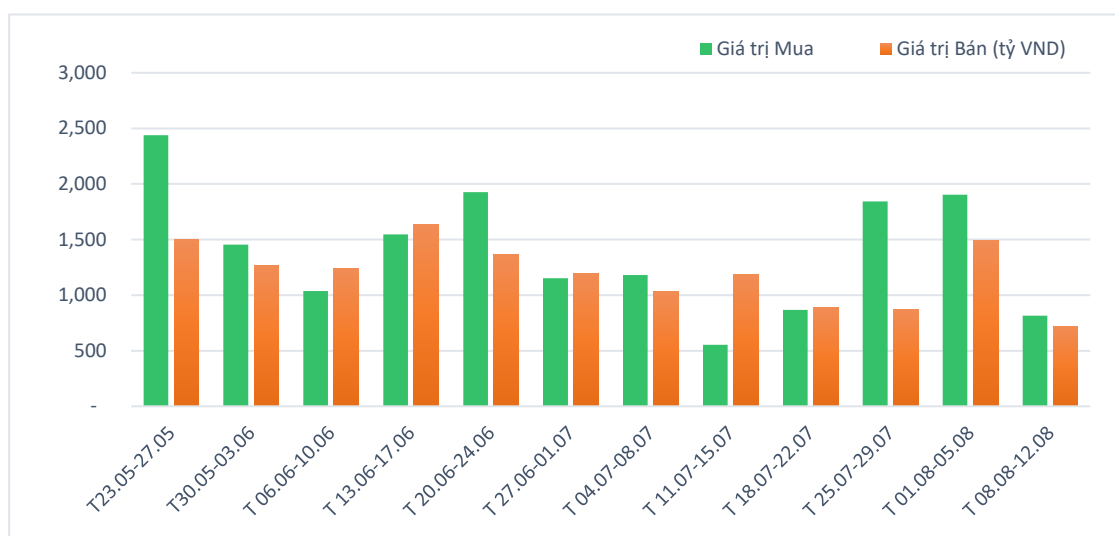


Tổng hợp kết quả kinh doanh 6T.2022

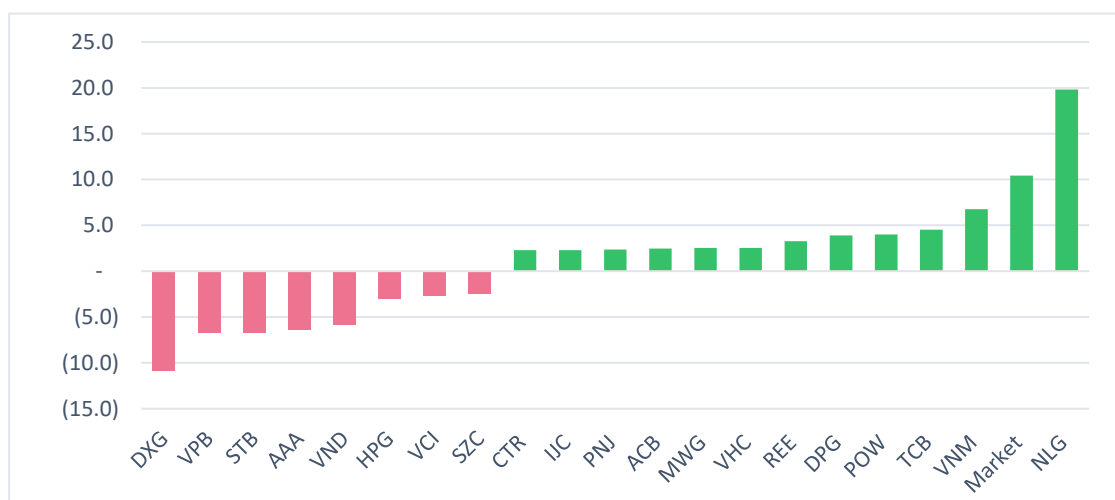
Ngành	SốDN	DT6T.2022	DT6T.2021	%	LN6T.2022	LN6T.2021	%
Ngân hàng	27	203,760	173,141	17.7%	104,667	78,436	33.4%
Dầu khí	23	395,240	232,972	69.7%	22,242	10,863	104.8%
Bất động sản	81	93,342	157,857	-40.9%	18,575	28,731	-35.3%
Sản xuất và KD Thép	26	199,122	165,060	20.6%	14,525	22,369	-35.1%
Thực phẩm và đồ uống	71	156,961	157,122	-0.1%	15,677	13,917	12.6%
Vận tải - Logistics	73	63,186	54,944	15.0%	9,918	5,560	78.4%
Điện	43	78,672	69,172	13.7%	10,206	5,519	84.9%
Phân bón	13	38,528	24,395	57.9%	7,931	1,234	542.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72	54,699	47,203	15.9%	6,077	6,676	-9.0%
Dịch vụ tài chính	40	26,338	22,619	16.4%	5,530	7,996	-30.8%
Bất động sản KCN	22	31,682	28,932	9.5%	9,234	5,289	74.6%
Xây dựng	110	84,077	84,526	-0.5%	6,318	4,347	45.3%
Hóa chất	27	46,366	32,271	43.7%	4,288	1,745	145.7%
Bán lẻ	21	124,887	105,304	18.6%	3,248	3,416	-4.9%
Thủy sản	24	33,252	25,119	32.4%	3,151	1,039	203.4%
Công nghệ Thông tin	18	24,833	20,617	20.4%	2,928	2,010	45.7%
Vật liệu xây dựng	42	36,968	28,449	29.9%	3,561	2,675	33.1%
Bảo hiểm	11	33,779	29,871	13.1%	2,156	2,421	-10.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	34,335	25,932	32.4%	2,598	1,798	44.4%
Dệt May	21	36,228	28,330	27.9%	1,945	1,465	32.8%
Nước	48	11,509	11,054	4.1%	1,616	1,608	0.5%
Y tế	36	21,471	24,311	-11.7%	1,550	1,425	8.8%
Viễn thông	5	19,409	16,921	14.7%	3,261	862	278.1%
Du lịch và Giải trí	32	56,344	29,703	89.7%	(4,241)	(8,679)	
Khoáng sản	33	49,095	31,309	56.8%	1,154	947	21.8%
Tài nguyên Cơ bản	20	17,021	15,813	7.6%	760	1,123	-32.3%
Cao su	13	2,599	2,335	11.3%	502	412	21.8%
Truyền thông	30	6,382	4,862	31.3%	486	250	94.1%
Ô tô và phụ tùng	11	23,561	19,738	19.4%	699	548	27.6%
Bao bì	17	18,682	13,248	41.0%	301	248	21.4%
Xây dựng và Vật liệu	58	13,485	15,235	-11.5%	204	(65)	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	6,691	3,808	75.7%	73	71	3.5%
Tổng	1,100	2,042,500	1,702,175	20.0%	261,139	206,255	26.6%



Tổng giá trị mua bán hàng tuần của tự doanh:

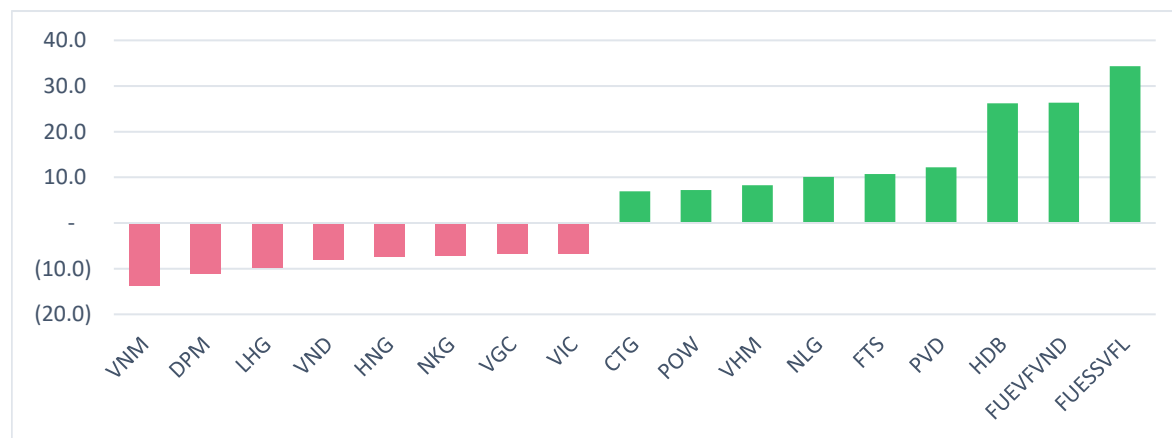


Nhóm cổ phiếu tự doanh mua bán ròng nhiều nhất trong ngày (tỷ VND)





Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	% so với đầu năm	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	25.0	-9.3%	5,995,200	5.8	1.6	194,300	194,300	4,306	15,416
BID	HOSE	39.2	4.8%	2,040,300	13.6	2.1	2,300	168,100	2,883	18,580
CTG	HOSE	29.1	-16.4%	5,961,800	9.4	1.4	404,900	41,300	3,099	21,387
EIB	HOSE	30.6	-9.9%	400,100	18.4	2.0	4,100	-	1,659	15,513
HDB	HOSE	24.9	-20.1%	1,779,000	6.9	1.4	1,942,400	74,600	3,591	17,576
LPB	HOSE	16.0	-21.4%	6,317,800	4.7	1.2	6,000	3,700	3,398	13,136
MBB	HOSE	26.8	-8.1%	9,550,900	6.3	1.4	473,000	473,000	4,221	18,767
MSB	HOSE	18.8	-34.0%	3,089,500	6.3	1.2	-	-	2,960	16,090
OCB	HOSE	18.1	-35.4%	2,454,900	6.6	1.1	13,800	100	2,754	16,897
SHB	HOSE	15.2	-32.7%	14,782,600	4.9	1.0	29,500	-	3,062	14,879
SSB	HOSE	31.5	-11.4%	1,439,300	12.7	2.6	100	63,500	2,472	11,892
STB	HOSE	25.5	-20.7%	13,785,600	13.4	1.3	177,900	522,600	1,905	18,989
TCB	HOSE	38.2	-25.0%	4,810,300	6.6	1.3	125,000	125,000	5,766	29,757
TPB	HOSE	27.9	-34.8%	2,456,300	6.9	1.5	248,900	36,400	4,024	18,340
VCB	HOSE	78.8	-0.3%	904,300	13.2	3.0	464,600	417,300	5,956	25,988
VIB	HOSE	26.2	-25.8%	1,822,400	5.8	2.0	-	2,600	4,528	13,403
VPB	HOSE	29.0	-19.6%	12,627,600	6.7	1.3	102,000	102,000	4,346	22,163
BAB	HNX	17.0	-19.4%	7,700	17.0	1.4	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	28.8	9.1%	45,500		3.7	-	-	(188)	7,686
VBB	UPCOM	10.7	-44.0%	18,400	9.2	0.8	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	10.2	-31.1%	136,700	6.0	0.8	-	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	13.5	-27.4%	36,500		1.1	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	22.0	-34.5%	12,000	20.7	1.5	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	14.1	-28.8%	267,000			-	50	3,247	17,329
KLB	UPCOM	23.3	-8.6%	5,500	22.6	1.8	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	14.1	-38.7%	619,400	19.7	1.0	-	-	715	13,432
ABB	UPCOM	11.7	-28.7%	2,119,300	4.3	0.9	-	-	2,719	13,255
				93,485,900	10.32	1.56	4,188,800	2,224,550	2,737	16,242



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	X26	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022	31/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SZC	HOSE	30/08/2022	31/08/2022	28/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	UPC	UPCoM	29/08/2022	30/08/2022	15/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	C32	HOSE	25/08/2022	26/08/2022	21/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	FPT	HOSE	24/08/2022	25/08/2022	12/9/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	KDC	HOSE	19/08/2022	22/08/2022	5/9/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	PGD	HOSE	19/08/2022	22/08/2022	27/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	BDW	UPCoM	19/08/2022	22/08/2022	16/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 750 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	PMP	HNX	18/08/2022	19/08/2022	19/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VNF	HNX	17/08/2022	18/08/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	HD6	UPCoM	15/08/2022	16/08/2022	31/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SBA	HOSE	15/08/2022	16/08/2022	8/9/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VFG	HOSE	15/08/2022	16/08/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:3	Thưởng cổ phiếu
14	AGX	UPCoM	15/08/2022	16/08/2022	23/08/2022	Trả cổ tức bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	NHC	HNX	15/08/2022	16/08/2022	26/08/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CRE	HOSE	15/08/2022	16/08/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Thưởng cổ phiếu
17	CRE	HOSE	15/08/2022	16/08/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
18	TID	UPCoM	12/8/2022	15/08/2022	30/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	VLP	UPCoM	12/8/2022	15/08/2022	6/9/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	MTV	UPCoM	12/8/2022	15/08/2022	8/9/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	GIL	HOSE	12/8/2022	15/08/2022	26/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	PAC	HOSE	12/8/2022	15/08/2022	31/08/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	PCE	HNX	12/8/2022	15/08/2022	15/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	NDX	HNX	12/8/2022	15/08/2022	31/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	NAU	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	25/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 87 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	FHS	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	22/08/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	MNB	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	30/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	QNW	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	25/08/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 124 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931